

NGUYỄN HỮU LIÊM VÀ GIỚI HẠN CỦA GIỚI HẠN

Trần Đình Thắng*

Bài viết này được hình thành như cuộc chuyện trò học thuật với Gs, triết gia Nguyễn Hữu Liêm (NHL), người đã viết bài “*Ontological Commitment = Cam kết bản thể*” trên trang VanViet (Liêm, 2025)¹. Trong bài viết ấy, ông đã thẳng thắn đưa ra một cách đọc Quine và truyền thống triết học phân tích, và mặc dù còn nhiều điểm cần tranh luận, đóng góp của Giáo sư Liêm đã khơi dậy một câu hỏi thiết yếu: Triết học có thể bám vào thực tại, móc vào đời sống hay không, hay nó chỉ còn là “trò chơi ngôn ngữ” (hiểu theo NHL (Liêm, 2025))?

Người viết xin trân trọng cảm ơn Gs Nguyễn Hữu Liêm vì nỗ lực tư tưởng không mệt mỏi, vì những gợi mở mà ông đã đem lại cho sinh hoạt triết học Việt Nam. Bài viết này không nhằm bác bỏ, mà là tiếp nối tinh thần chuyện trò mà chính ông đã khởi xướng – tinh thần của những người còn RẤT tin rằng triết học chỉ thật sự có ý nghĩa khi được sống, được tranh luận và được tiếp tục.

Đối với các vị từng thường thức không khí sinh hoạt văn chương, triết học ở miền nam ngày xưa; mặc dù còn phôi thai, nhưng ít nhiều đã có không khí học thuật, tranh cãi tự do, đôi khi quá đáng như trường hợp Phạm Công Thiện gặng xét Nguyễn Văn Trung (Thiện, 1970) – nhưng nói chung, VUI! Sinh hoạt vui như vậy ở Việt Nam hiện nay thì không còn như thế, vì vậy, Ts Dương Ngọc Dũng nói đúng khi cho rằng Gs Nguyễn Hữu Liêm nổi lên như một tiếng nói đặc biệt. (Dũng, 2020) Bản thân người viết, sau này rất phục sức viết của NHL, và hơn thế nữa, Gs cũng đã can đảm, trung thực thể hiện một thái độ ‘SỐNG’ cụ thể, Gs NHL đã công khai góp ý cho nhà nước, đảng với tinh thần xây dựng mặc dù hệ lụy của những việc này không phải là không có. (Đoàn, 2025) Bài này của chúng tôi là để tiếp nối, chuyện trò trên tinh thần hiểu biết, xây dựng Bài phản biện của NHL, “*ONTOLOGICAL COMMITMENT = CAM KẾT BẢN THỂ – Một phản biện đến Quine và Triết học Phân tích*” (viết tắt ‘*bài phản biện*’ (Liêm, 2025)). Bài phản biện này không thiên về phân tích học thuật, mà nghiêng về triết học như một cách sống, nơi tri thức gắn liền với hành động, dần thân và ý nghĩa. Trong khi đó, Willard Van Orman Quine, một khuôn mặt lớn tiêu biểu của triết học phân tích thế kỷ XX, lại theo đuổi một hướng hoàn toàn khác: truy tìm nền tảng logic cho ngôn ngữ, tri thức và tồn tại luận².

* Dịch giả. Các tác phẩm đã dịch: Luận Văn Logic Triết Học (L. Wittgenstein, Domino 2018), Những Tim Sâu Triết Học (L. Wittgenstein, Domino 2019), Về Tính chắc chắn (L. Wittgenstein, Domino 2020), Hệ Ghi Ý (Begriffsschrift) (G. Frege, Domino 2020), Làm Triết Với Cây Búa của Wittgenstein (A. Kenny, Dân Trí 2022).

¹ <https://vanviet.info/nguyen-cuu-phe-binh/ontological-commitment-cam-ket-ban-the-mot-phan-bien-den-quine-va-triet-hoc-phan-tich/>

² tức «bản thể học» (ontology) theo cách gọi của Gs NHL. Chúng tôi sẽ viết «bản thể» (của NHL, đặt trong cặp ngoặc « ») và từ này tương đương với “tồn tại” của chúng tôi (Trần Đình Thắng). Để có thể theo dõi, chúng tôi trích định nghĩa: TỒN TẠI LUẬN (ONTOLOGY). Phiên bản thể tục tảo của siêu hình học. Nhánh triết học nghiên cứu những đặc điểm phổ biến nhất của thực tại, chẳng hạn như sự tồn tại thực sự (real existence), sự biến/thay đổi, thời gian, quan hệ nhân quả, cơ hội, sự sống, tâm trí và xã hội. Tồn tại luận không nghiên cứu các cấu trúc (constructs), tức là bản thân các ý tưởng. Những thứ này được nghiên cứu bởi các khoa học hình thức và nhận thức luận. Do đó, cụm từ 'tồn tại luận học toán học' chỉ có ý nghĩa trong bối cảnh của xim (chủ nghĩa) duy tâm khách quan (như của Pythagoras và Plato). Ngược lại, câu hỏi 'Vị thế tồn tại luận học của các đối tượng toán học là gì?' có ý nghĩa trong mọi bối cảnh. Nhưng trong một triết học hư cấu về toán học, câu trả lời lại đơn giản: Không có gì cả. Tồn tại luận có thể chia thành tổng quát và chuyên biệt (hoặc khu vực). Tồn tại luận tổng quát nghiên cứu mọi sự vật tồn tại (existents), trong khi mỗi tồn tại luận

Vì thế, khi Nguyễn Hữu Liêm phân biện Quine, đặc biệt quanh khái niệm “*Ontological Commitment*”, ta đang xem thấy một cuộc chuyện trò không cân xứng: giữa một triết gia của ngữ pháp logic và một triết gia của đời sống hiện sinh. Sự “không gặp nhau” ấy, nếu đọc vội, dễ bị xem là *lệch pha* hay *trật mục tiêu*; nhưng nếu đọc sâu, lại hé mở một xung năng triết học đáng quý: sự nổi dậy của con người hiện sinh trước trật tự duy lý của ngôn ngữ.

QUINE VÀ KHÁI NIỆM “CAM KẾT [về] TỒN TẠI”

Trong bài viết kinh điển *Về những gì có còn* (*On What There Is*, 1953), Quine đưa ra lại câu hỏi theo cách của tồn tại luận cổ điển: “*Có cái gì?*” và câu trả lời châm biếm của ông: “*Mọi thứ!*”³ — để mở ra một cuộc tái cấu trúc logic cho khái niệm “tồn tại”. Theo Quine, khi một lý thuyết phát biểu điều gì đó, lý thuyết này đã ngầm cam kết rằng có những thực thể có thể lượng hóa được thông qua các biến của nó.

Có thể nói vắn tắt về khái niệm này. Với “*Về Những gì Có còn*”, ông đang đối thoại với hai khuynh hướng lớn trong triết học thế kỷ XX: 1. Truyền thống siêu hình học cũ: bàn cãi về “cái gì tồn tại” theo nghĩa bản thể luận cổ điển. Ví dụ: có “các đối tượng không tồn tại” không? Có “Ngựa trời” như một thực thể tưởng tượng không? 2. Chủ nghĩa kinh nghiệm logic (Carnap, Russell) thì cố gắng xây dựng một ngôn ngữ lý tưởng, nơi mọi phát biểu triết học đều có thể được kiểm chứng bằng kinh nghiệm hay bị loại bỏ. Nhưng trong đó vẫn còn mơ hồ về việc: một lý thuyết nói đến những gì là “thật có”? Quine thấy cả hai hướng này đều rối beng, siêu hình học thì quá mơ hồ, còn chủ nghĩa kinh nghiệm logic thì chưa trả lời được “cái gì có” trong chính ngôn ngữ của họ. Vì vậy, khái niệm “cam kết tồn tại”³ là để chuyển câu hỏi thuộc tồn tại luận sang cấp độ logic, tức là, ta có thể nói về “*cái gì có*” bằng ngôn ngữ hình thức, chính xác, không mơ hồ. Như vậy, mục đích chính của khái niệm “*cam kết tồn tại*” là để xác định một tiêu chuẩn rõ ràng và khách quan để biết một lý thuyết “cam kết” những gì đang tồn tại. Quine muốn tránh siêu hình học mơ hồ, rườm rà: chỉ chấp nhận những thực thể mà lý thuyết buộc phải CÓ để giải thích thế giới. Có thể nói, “cam kết tồn tại” của Quine chính là phiên bản hiện đại của nguyên tắc Ockham “*Không sử dụng những thực thể dư thừa, không cần thiết.*”⁴

Nói cách khác,

“Để những khẳng định của một lý thuyết là đúng, các biến buộc⁵ của lý thuyết đó phải có khả năng rập (chỉ/tham chiếu) đến *những thực thể* và *chỉ những thực thể đó* mà lý thuyết này *cam kết*.” (Từ Một Góc Nhìn Logic, 2025, p. 66)

đặc thù thì tìm sâu một chủng loại sự vật hoặc tiến trình nhất định: vật lý, hóa học, sinh học, xã hội, v.v. Do đó, trong khi tồn tại luận học tổng quát nghiên cứu các khái niệm về không gian, thời gian và sự kiện, thì tồn tại luận xã hội lại nghiên cứu các khái niệm xã hội học tổng quát như khái niệm về hệ thống xã hội, cấu trúc xã hội và biến đổi xã hội. Dù là tổng quát hay đặc thù, tồn tại luận có thể được phát triển theo một trong hai cách: suy đoán hoặc khoa học. Các tồn tại luận của Leibniz, Wolff, Schelling, Hegel, Bolzano, Lotze, Engels, Mach, W. James, H. Bergson, A. N. Whitehead, S. Alexander, L. Wittgenstein, M. Heidegger, R. Carnap và N. Goodman thường nặng tính suy đoán và xa rời khoa học. Siêu hình học về các thế giới có thể đương đại cũng vậy. Cảnh báo: cụm từ ‘tồn tại luận của một lý thuyết’ đôi khi bị sử dụng một cách sai lệch để chỉ lớp tham chiếu (reference class) hoặc vũ trụ diễn ngôn của một lý thuyết. Cụm từ này gây hiểu lầm vì các tồn tại luận là các lý thuyết, không phải là các lớp. (Dictionary of Philosophy, 2003)

3 “Ontological Commitment”, dịch đầy đủ sẽ là “cam kết tồn tại luận”, “cam kết về mặt tồn tại”, tuy nhiên sẽ được viết ngắn gọn là “cam kết tồn tại”.

4 “Entities must not be multiplied beyond necessity” (Occam's razor, 2025)

⁵ *bound variable*, còn gọi là ‘biến ràng buộc’, ‘biến phụ thuộc’. Một *xuất hiện* của một biến gọi là [ràng] buộc

“A theory is *committed* to *those and only those entities* to which the bound variables of the theory must be capable of referring in order that the affirmations made in the theory be true.” (Quine, *From A Logical Point of View*, 1963)

Từ đó, Quine rút gọn thành công thức nổi tiếng:

“*Tồn tại [chính] là trị của một biến [buộc]*” (op. cit. trang 69)

(“To be is *to be the value of a bound variable.*”) (op. cit. p. 15)

Nói cách khác, một thực thể được cho là “có thật” trong một lý thuyết nào đó nếu và chỉ nếu ta có thể lượng hóa trên nó để chất của ta có thể đúng.

Ví dụ, trong vật lý, ta nói: “ $\exists x (x \text{ là electron} \wedge x \text{ có điện tích âm})$ ”, điều này nghĩa là, ta cam kết rằng electron tồn tại. Hoặc, “ $\exists x (x \text{ là thượng đế} \wedge x \text{ toàn năng})$ ”.

Đối với Quine, *tồn tại* không còn là vấn đề cảm tính hay siêu hình, mà là một đặc trưng logic của ngôn ngữ lý thuyết. “Có” hay “tồn tại” nghĩa là “được lượng hóa”, và tồn tại luận trở thành một nhánh của phân tích logic chứ không phải suy niệm siêu hình. Ngắn gọn, với Quine, một ngôn ngữ (lý thuyết...) nhất định buộc (cam kết) ta tin cái gì, nghĩa là, thay thế các câu hỏi, tộc tranh luận siêu hình mơ hồ bằng tiêu chuẩn logic rõ ràng.

NGUYỄN HỮU LIÊM & PHẢN ỨNG HIỆN SINH

Ngược lại, Nguyễn Hữu Liêm xem triết học không thể chỉ là phân tích cú pháp của những chất (mệnh đề). Triết học, theo ông, phải là *dấn thân* «bản thể» — một sự có mặt có ý nghĩa, nơi con người không chỉ “nói về tồn tại”, mà sống và chịu trách nhiệm trong tồn tại. Và với cách đọc Quine ấy, cái NHL thấy không phải là tinh thần khoa học sáng rõ, mà là sự lạnh lùng của lý trí đã tự cắt rời khỏi yếu tố con người. (Liêm, 2025) Vì vậy, NHL hiểu và dịch “*Ontological Commitment*” không theo nghĩa logic học, mà như một “*dấn thân hiện sinh*”, đó không phải cam kết với những thực thể có trong lý thuyết, mà là CAM KẾT của chính con người với đời sống, với ý nghĩa và chân lý!

Tại đây, Nguyễn Hữu Liêm đã chuyển phạm trù: từ logic học của ngôn ngữ sang «đạo sống» của tồn tại. Phản biện của NHL không “bác bỏ” Quine, mà chuyển đổi góc nhìn khái niệm của Quine vào một tầng hiện sinh sâu hơn — nơi «hiện hữu» không còn là vấn đề của ký hiệu, mà là của trái tim, của sự hành động, và của can đảm sống.

SỰ KHÔNG CÂN XỨNG & GIỚI HẠN CỦA PHẢN BIỆN

Nếu xét trên mặt học thuật, phản biện của Nguyễn Hữu Liêm không điếm được huyết của Quine, vì hai lý do:

Thứ nhất, NHL hiểu “cam kết «bản thể»” như một khái niệm để sống, “*năng ý dấn thân vào sự Hữu*”, trong khi Quine chỉ nói về cấu trúc ngôn ngữ của lý thuyết. Hai người nói cùng một từ, nhưng ở hai tầng ý nghĩa hoàn toàn khác. Trong ca này, có thể nói rằng, đây là loại [cố tình hay vô ý?] “*nhầm lẫn phạm trù*” (category mistake), mượn theo cách nói của Gs. Ryle (*The Concept of Mind*, 1949). Nói cách khác, NHL đã chuyển đổi trọng tâm: từ “What exists?” (Quine) sang “How should I exist?”

trong một công thức nếu biến đó nằm dưới dấu lượng từ hoặc nằm trong miền tác dụng của lượng từ theo biến đó; ngược lại, ta gọi là biến tự do. Ví dụ. $\forall x (\exists y P(x, y) \rightarrow P(x, z))$; các biến x, y là biến buộc, z là biến tự do.

Thứ hai, ông gán cho Quine (và triết học phân tích nói chung) một “ý hướng phi nhân vị” mà Quine không hề chủ trương. Quine không phủ nhận ý nghĩa của đời sống; ông chỉ xác định rằng triết học khoa học cần một ngôn ngữ trong suốt, rõ ràng, không lẫn với đạo lý hay cảm xúc.

Bởi vậy, phê phán của Nguyễn Hữu Liêm vừa bất công, vừa trật mục tiêu — bất công vì không phản ánh đúng đối tượng, trật mục tiêu vì thay vì tranh luận vào “vấn đề”, NHL đã lãng lạng đổi quy tắc cuộc chơi.

Tuy nhiên, “*nhầm lẫn phạm trù*” này không hẳn là vô ích. Sự “lệch pha” này lại phơi bày giới hạn từ bên trong của triết học phân tích, nơi ngôn ngữ trở thành chính nó và không có “con người” bên trong những hệ thống ký hiệu. Nguyễn Hữu Liêm, trong phản ứng hiện sinh ấy, đã đánh thức một câu hỏi mà Quine bỏ qua hay không lưu ý đến:

“*Làm thế nào để ta thoát khỏi vòng kiềm toả của ngôn ngữ?*” (Liêm, 2025)

Ý NGHĨA TRIẾT HỌC & TRIẾT HỌC PHÂN TÍCH

Nguyễn Hữu Liêm (NHL) nêu ra sự lạnh lẽo của lý tính phương Tây, cụ thể là triết học phân tích thế kỷ XX đã trở nên quá kỹ thuật, chỉ xoay quanh ngôn ngữ, logic, khái niệm, rập, mà bỏ quên con người, bỏ quên nỗi cô đơn, khát vọng, và bi kịch của tồn tại; ngay cả Wittgenstein già, và sau này Rorty, Putnam, Davidson... đều thấy giới hạn của triết học phân tích rất rõ ràng. (Rorty, 1982) NHL đã chạm đúng vào vết nứt bên trong truyền thống phân tích, nơi triết học có nguy cơ trở thành trò chơi ký hiệu, vào mê hồn trận của trò chơi ngôn ngữ, và mĩa mai thông qua lời của Richard Tarnas:

“*Ta không thể cứ ngồi đó loay hoay cột giày mãi, hãy mang nhanh giày vào, chạy nhanh ra cửa, chạy nhanh ra đường, chạy nhanh lên núi, để thưởng ngoạn bầu trời cao rộng lớn lao đang chờ Ta.*” (The Passion of the Western Mind, 2010)

Tarnas đã ví von bằng hình ảnh rất sinh động và hài hước. Cùng ý này, thì Nietzsche văn chương hơn:

“*Cái lý trí so đo tính toán cũng vừa theo đuổi vừa hào hển nặng nề và kiếm tìm những điểm tựa vững chắc hơn, để đạt tới mục tiêu quyền rũ ấy, nơi người bạn đồng hành linh thánh của nó đã đặt chân đến. Ta tưởng đang chứng kiến hai khách lữ hành bên bờ một ngọn thác hung hăng đang cuốn trôi những hòn đá: một người vượt qua thác nhẹ nhàng bằng một bước nhảy, y dùng những hòn đá để lấy đà, ngay cả khi đột nhiên chúng sụp đổ đằng sau y; người kia thì lúng túng hết đường xoay sở, trước hết phải xây nên những trụ đá để nâng đỡ bước chân nặng nề và thận trọng của y, đôi khi lấy đà là điều bất khả, và cả Thượng đế lẫn dòng thác chẳng giúp gì được cho y.*” (Triết lý Hy Lạp thời Bi kịch, 1975)

Tất cả đều đúng, chỉ có điều, nhờ những phân tích ấy, những thao tác loay hoay cột giày, hào hển nặng nề vì phải tìm kiếm những điểm tựa vững chắc, chúng ta mới có thể ngồi gõ những dòng chữ này trên máy tính, điện thoại, seo phì gửi cho người yêu bên kia đại dương, hoặc lướt web, chat chit âm âm!

Về những gắng gét về triết học phân tích, do chủ đề quá rộng, nên chúng tôi chỉ tạm nêu ra mấy điểm để phản biện lại **Nguyễn Hữu Liêm**. NHL đã nỗ lực “búng/giải thiêng” triết

học phân tích bằng cách đặt nó trong đối lập với cái tạm gọi là **“triết học đạo sống”** — một hướng sinh tồn, đạo học, và tâm linh. NHL đã mượn hình tượng **Quine**, cùng những trích dẫn từ **Tarnas**, **William James**, và **Jacob Boehme**, để minh chứng rằng triết học phân tích chỉ là một “bến đỗ” khô khan của lý trí, và rằng con đường đích thực của triết học là **dấn thân bản thể**.

Phần sau đây sẽ xem xét những luận điểm của Nguyễn Hữu Liêm trên ba phương diện:

(1) sự **nhầm lẫn phạm trù triết học** khi đối lập “triết học đạo sống” với “triết học phân tích”;

(2) sự **diễn giải sai nguồn tư tưởng** của Quine, James và Boehme;

(3) **giá trị thật** của triết học phân tích như một nền tảng tư duy không thể thiếu cho triết học hiện đại.

1. Nhầm lẫn phạm trù: Triết học phân tích không đối lập của triết học đạo sống

Nguyễn Hữu Liêm cho rằng triết học phân tích “*đã tự biến mình thành một mê hồn trận không lối thoát*” và “*đánh mất linh hồn của đời sống*.” (Liêm, 2025) Tuy nhiên, ông **đặt sai mục tiêu phê phán**: triết học phân tích **chưa bao giờ tuyên bố là triết học của đạo sống**. Mục đích của triết học phân tích — từ Frege, Russell, đến Quine — không phải là **giải cứu linh hồn**, mà là **làm sáng tỏ ngôn ngữ** để con người hiểu chính mình và thế giới một cách rõ ràng hơn. Triết học phân tích **không phủ nhận sinh tồn**, mà chỉ **không dùng ngôn ngữ để nói về nó**. Vì vậy, việc Nguyễn Hữu Liêm kết tội Quine “khô khan”, hay Russell “vô nhân vị”, giống như phê phán một bác sĩ phẫu thuật vì “thiếu cảm xúc nghệ sĩ. Mỗi truyền thống triết học có phạm vi riêng; **phê phán hệ này bằng tiêu chuẩn của hệ kia là sai phạm trù (category mistake)** — một lỗi mà chính Quine đã cảnh báo.

2. Lạm dụng các ví dụ và nguồn tư tưởng

– “A Convenient Myth”. Quine dùng cụm “useful myth” hay “convenient myth” (Quine, *Từ Một Góc Nhìn Logic*, 2025) để nói rằng **mọi lý thuyết khoa học đều dựa trên giả định**, nhưng đó là những **giả định có giá trị tiện dụng (có tác giả dùng “những hư cấu có ích”)**, chẳng hạn, khi các nhà vật lý nói về electron, photon, sóng, hạt,... đó chỉ là những huyền thoại/hư cấu tiện dụng để trình bày, tính toán; chúng có thật không lại là câu chuyện rất khác. Nhưng khi Nguyễn Hữu Liêm chuyển “*huyền thoại tiện dụng*” thành “*huyền thoại cứu rỗi*” — biến nó thành huyền thoại đạo học — ông **đã rời khỏi bình diện tri thức sang bình diện tâm linh**. Điều này **không bác bỏ được triết học phân tích**, mà chỉ chứng tỏ rằng ông muốn **triết học phân tích nói chung, Quine nói riêng, phải như biểu tượng tâm linh chứ không như triết gia logic**.

– William James. Nguyễn Hữu Liêm viện dẫn William James để chứng minh rằng **chân lý chỉ có ý nghĩa khi trở thành hành động**. Nhưng James, người sáng lập **chủ nghĩa thực dụng**, không hề **phủ nhận tính khoa học của lý trí**. James chỉ muốn mở rộng khái niệm “chân lý” có tính đến **giá trị thực tiễn**. Nếu James là cầu nối giữa lý trí và đời sống, thì Nguyễn Hữu Liêm **cắt đứt cầu ấy**, biến James thành người chống lý trí — điều mà chính James phản đối.

– Jacob Boehme và Aquinas. Cả Boehme và Aquinas đều được NHL dùng như những bằng chứng cho “tâm nhìn hợp nhất giữa linh hồn và thế giới”. (Liêm, 2025) Nhưng đây là **nguồn tư tưởng phi triết học theo nghĩa truyền thống**: họ không nhằm phân tích, mà nhằm **mặc khải tinh thần**. Dùng họ để “phủ định” Quine hay triết học phân tích là **dùng kinh thánh để phản biện hình học**! Boehme và Aquinas không sai, nhưng **họ không nói cùng ngôn ngữ** với Quine!

3. Triết học phân tích: không khô lạnh, mà là nền tảng cho tư duy trong sáng

Nguyễn Hữu Liêm xem triết học phân tích như một “xác chữ” vô hồn. Nhưng thực ra, nhờ truyền thống này, triết học hiện đại **tránh được hỗn loạn ngôn ngữ và chủ quan mơ hồ**. Không có Russell, Frege, Carnap và Quine, ta sẽ không có triết học khoa học, ngôn ngữ học, hay trí tuệ nhân tạo ngày nay. Nó dạy con người **nói điều mình muốn nói và biết mình đang nói gì** — điều mà mọi triết học sống đều phải dựa vào để tồn tại. Nói cách khác, nếu triết học hiện sinh là **trái tim**, thì triết học phân tích là **bộ não**. Không có bộ não, trái tim sẽ co giật vô nghĩa; không có trái tim, bộ não sẽ lạnh lùng vô cảm. Phê phán triết học phân tích vì “vô hồn” chẳng khác nào trách con dao vì không biết yêu.

Ở phần cuối bài viết, Nguyễn Hữu Liêm nói:

“Con đường tôn giáo đòi hỏi một ý chí dần thân bản thể mà cá nhân có thể bước vào tùy theo căn cơ và nghiệp thức. Tại sao *Ta không đòi hỏi triết học mang bản sắc mệnh lệnh như thế?*”

Đó là lời đẹp, nhưng nó **thiên hóa triết học quá mức**. Triết học không có vai trò “cứu rỗi”, triết học chỉ cần **trung thực với giới hạn của mình**. Triết học phân tích chấp nhận giới hạn đó: nó không hứa hẹn giải thoát, mà chỉ **dạy ta suy nghĩ rõ ràng hơn**. Chính trong sự khiêm tốn đó, nó **thành thật hơn nhiều triết học, thần học “lớn tiếng về linh hồn”**. Nó không thiên hóa tư tưởng, không thần thánh hóa hiện sinh, mà giữ con người ở vị trí khiêm nhường – **nói ít, hiểu đúng, và sống sáng suốt. Và thấy được cái giới hạn này**, Wittgenstein kết thúc *Tractatus* bằng cách gọi phần lớn tác phẩm của chính ông là vô nghĩa — một trong những câu kết nổi bật nhất trong triết học. Tuy nhiên, lẽ nghịch (nghịch lý) này không phải là một sai lầm, mà là một cái nhìn bừng sáng vào những gì xảy ra khi triết học chạm đến những giới hạn của ngôn ngữ:

“Không phải sự đời đen trắng ra sao, song thế gian này có đây mới là điều bí ẩn.”⁶ (*Tractatus Logico-Philosophicus*, 1974)

và (*Tractatus*):

“Phương pháp triết học đúng đắn thật sự là như sau: không nói gì ngoại trừ những gì có thể nói được.”

“Ta phải im lặng về những gì không thể nói được.” (Wittgenstein, *Luận văn Logic-Triết học*, 2018)

⁶ “It is not how things are in the world that is mystical, but that it exists.”

Câu hỏi đặt ra: Nếu ta vẫn vượt qua lần ranh giới hạn này, thì những khẳng định siêu hình của chúng ta, hay nói theo NHL, “*năng ý dẫn thân vào sự Hữu*”, sẽ phần nào giống câu chuyện “về Thượng đế toàn năng” sau đây.

“Có một Thượng Đế duy nhất và toàn năng!” Một người tìm đến Thầy Tư Bảy Núi, hỏi:

- Thầy cho xin một bằng chứng Thượng Đế là có.

Thầy Tư:

- Tao biểu chú mày Thượng Đế tồn tại là chuyện chắc chắn trăm phần trăm! Bằng cứ là tao cầu ông mỗi ngày ...

Lại hỏi:

- Còn bằng chứng chỉ có một Thượng Đế duy nhất?

Thầy Tư:

- Thì tao chỉ cầu có một mình ông thôi mà!

Hỏi nữa:

- Xin hỏi Thầy Tư một câu chốt: vậy chứ bằng chứng nào cho biết Thượng Đế là đáng toàn năng tuyệt đối, làm chủ toàn thể Vũ Trụ này, không ai có thể hơn Ngài được?

Thầy Tư:

- Dễ ợt! Bằng chứng là ông chưa bao giờ chịu nghe lời tao ... (Vui Sống Mỗi Ngày, 2012)

Vài lời kết

Nguyễn Hữu Liêm là một triết gia của cảm hứng; ông muốn triết học trở lại với đời sống, với dẫn thân và với đạo lý. Nhưng trong nỗ lực ấy, ông **đã đặt triết học vào vai của tôn giáo và đọc sai bản chất của triết học phân tích**. Phê phán của ông đẹp ở tình cảm, nhưng sai ở phạm trù. Ông phê bình triết học phân tích vì nó không dạy ta “sống”, trong khi Quine chưa bao giờ muốn dạy ta “sống”, mà chỉ muốn dạy ta “nói cho rõ”. Quine thường nhắc lại cách nói so ví của Neurath về tri thức, khoa học như một chiếc thuyền:

“Con người trên con tàu đó phải sửa chữa, đóng lại từng tấm ván trong khi con tàu vẫn đang lênh đênh trên biển. Cả nhà triết học và nhà khoa học đều ở trên cùng chiếc thuyền ấy: những sự kiện, những hiểu biết của chúng ta chỉ lợm lặt đây đó trong phạm vi những vùng nước mà con tàu đi qua, vì thế, đừng bao giờ mơ tới cái gọi là chân lý, sự thật tuyệt đối.” (Quine, Từ Một Góc Nhìn Logic, 2025)

Nếu triết học phân tích là “bến đỗ” của lý trí, thì triết học của Nguyễn Hữu Liêm là “con say khướt” của linh hồn. Phê phán của Nguyễn Hữu Liêm đối với Quine không thành công theo nghĩa học thuật, nhưng thành công như một phản ứng hiện sinh — một lời nhắc rằng đằng sau mọi khái niệm, vẫn có một con người đang sống. NHL “sai hệ”, nhưng “trúng mạch”: Sai hệ – vì đối tượng của ông không còn là Quine của logic học; trúng mạch – vì ông khơi lại câu hỏi muôn đời của triết học: “Triết học là để làm gì?”

Tham khảo

- Bunge, M. (2003). *Dictionary of Philosophy*. New York: Prometheus Books.
- danh, V. (2012, 6 16). *Vui Sống Mỗi Ngày*. Retrieved from [vuisongmoingay.blogspot.com: https://vuisongmoingay.blogspot.com/2012/06/vui-cuoi-thang-6.html](https://vuisongmoingay.blogspot.com/2012/06/vui-cuoi-thang-6.html)
- Đoàn, T. K. (2025, 09 19). *FB Trần Kim Đoàn - CÁM VẬN VIỆT KIỂU VỀ THẨM QUÊ HUƠNG*. Retrieved from Facebook: <https://www.facebook.com/TranKiemDoan/posts/pfbid0Extk2A4mfBY4Edeq2F9TCmtCuAgLVgrS6ShN4fTvUitQU8Bp8X6NHSxo1GqNSUeWl>
- Dũng, D. N. (2020, 8 13). “*Có thể nói mà không sợ mang tiếng quá phóng đại rằng Nguyễn Hữu Liêm đang là Hegel của Việt Nam*”. Retrieved from <https://viettimes.vn/https://viettimes.vn/co-the-noi-ma-khong-so-mang-tieng-qua-phong-dai-rang-nguyen-huu-liem-dang-la-hegel-cua-viet-nam-post136643.html>
- Liêm, N. H. (2025, 10 10). *Ontological Commitment = Cam kết Bản thể: Một phản biện đến Quine và Triết học Phân tích*. Retrieved from Diễn đàn Câu lạc bộ Văn đoàn Độc lập Việt Nam: <https://vanviet.info/nguyen-cuu-phe-binh/ontological-commitment-cam-ket-ban-the-mot-phan-bien-den-quine-va-triet-hoc-phan-tich/>
- Nietzsche. (1975). *Triết lý Hy Lạp thời Bi kịch*. Sài Gòn: Tân an.
- Quine, W. (1963). *From A Logical Point of View*. New York: Harvard University Press.
- Quine, W. (2025). *Từ Một Góc Nhìn Logic*. Tp. HCM: NXB Hồng Đức.
- Rorty, R. (1982). *Consequences of Pragmatism*. Minnesota: University of Minnesota Press,.
- Ryle, G. (1949). *The Concept of Mind*. New York: Routledge.
- Tarnas, R. (2010). *The Passion of the Western Mind*. London: Pimlico.
- Thiện, P. C. (1970). *Hồ Thắm của Tư Tưởng*. Sài Gòn: Phạm Hoàng.
- Wiki. (2025, 10 7). *Occam's razor*. Retrieved from Wiki: https://en.wikipedia.org/wiki/Occam%27s_razor
- Wittgenstein. (1974). *Tractatus Logico-Philosophicus*. New York: Routledge.
- Wittgenstein. (2018). *Luận văn Logic-Triết học*. TP HCM: NXB Đà Nẵng.